

Số: 20/2018/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét tờ trình số 3855 /TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Các chủ sở hữu hoặc người điều khiển các phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực các cửa khẩu, cửa khẩu phụ, lối mở, cặp chợ biên giới, điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu được cấp có thẩm quyền cho phép”.

2. Điểm a Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với xe chở hàng hóa là mía nguyên liệu trồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng xuất khẩu.”

3. Mục I, Mục II, Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

ST T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa có xuất xứ (nguồn gốc) từ nước ngoài			100% nộp ngân sách nhà nước
7	Phương tiện vận tải chở hàng hóa là nông sản			
7.1	Đối với xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container loại 40 feet	đồng/xe	5.500.000	
7.2	Đối với xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet	đồng/xe	4.500.000	
7.3	Đối với các loại xe khác	đồng/tấn	100.000	
II	Đối với xe chở hàng hóa xuất, nhập khẩu khác			100% nộp ngân sách nhà nước
1	Đối với xe chở hàng hóa là hàng nông sản, gia súc sống, gia cầm có nguồn gốc (xuất xứ) tại Việt Nam xuất khẩu; Hàng hóa xuất nhập khẩu đã chịu thuế VAT, thuế xuất nhập khẩu theo quy định	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	50.000	
2	Đối với xe chở hàng hóa xuất, nhập khẩu khác	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	100.000	

III	Đối với xe sang tải, giao nhận hàng hóa xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (bao gồm cả xe của nước đối diện)			Để lại đơn vị thu 70%; 30% nộp ngân sách
1	Đối với xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container loại 40 feet	đồng/xe	300.000	
2	Đối với xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet	đồng/xe	200.000	
3	Đối với các loại xe khác	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	10.000	

4. Các nội dung khác không quy định sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2018. / . *ng*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng